

xuân nhau lẫn mò tìm kiếm (1), làm cho mặt nước càng xao động (2). Sau một thời-gian cực khổ đảo đứ, trong sự trôi lênh lúp xuống dưới đáy hồ, mỗi người bèn lượm lên một cục đá mà không biết, làm tưởng là ngọc thiết (3), bèn vui-vẻ nghỉ-ngơi.

Trong những người bị mất ngọc ấy, nhiều kẻ có đại-trí (4), nên đề cho ai nấy đi hết, bèn chỉ ở lại, chờ cho sóng lắng trắng tỏ (5), dưới đáy hồ ngọc Ma-ni chiếu lên (6), bèn lặn lặn trở xuống, lấy được ngọc báu một cách dễ-dàng (7).

303. V. Có bằng cứ nào trong lịch-sử Phật, nói rằng hàng Nhị-thừa sau khi tới Hoa-thành, nghĩa là sau khi chứng quả Niết-bàn, lấy làm tự-túc không còn tu tập nữa chăng ?

D. Có. Đến cái lúc cần phải bỏ pháp quyền, qui về pháp thiết, nghĩa là hội ba thừa gom làm Như-thừa thiết tướng (Phật-thừa), đức Thế-tôn sửa soạn nói pháp lớn, (tức là Diệu-Pháp Liên-Hoa kinh), hàng Nhị-thừa rừng rùng bỏ ra ngoài pháp hội, không chịu ngồi đó, nghe đức Thế-tôn sắp sửa nói pháp.

Với cái pháp lớn này, đại-ý Phật nói : « Đây các vị Tỷ-kheo ! Tất cả biển nước chỉ có một mùi, là mùi muối. Đạo của ta cũng thế, chỉ có một mùi, là mùi giải-thoát. Thật vậy, chỉ có một Phật-thừa mà thôi, dầu ta có lập ra hai, ba thừa cũng chỉ giả tạm trong như-thời.

304. V. Khi đức Thế-tôn còn sanh tiền, giữa các vị Tỷ-kheo đi truyền-giáo, có nghịch ý kiến về Đại-thừa và Tiểu-thừa chăng ?

D. Có. Trong kinh Duy-Ma có nói một đoạn như vậy : Một buổi kia, ông Phú-Lâu-Na đi đến một cái rừng nọ, nơi pháp Tiểu-thừa cho các vị Tỷ-kheo mới tu nghệ. Khi đó Ngài cư-si Duy-Ma-Cật, thấy vậy bảo rằng : « Đây ông Phú-Lâu-Na, muốn nói pháp cho người khác nghe, trước hết ông phải nhập-định, rồi dùng trí-huệ quan-xét, mà tìm hiểu căn-cơ trình-độ của người nghe pháp như thế nào, nhiều hậu, mới khởi sự nói pháp. Bằng ông không đề-dặt như thế, mà vội nói pháp, thì có khác nào ông đem món ăn dở đề trong bát báu của người ta. Như vậy, té ar ông xem ngọc lưu-ly đồng với chất thủy-tinh ư ?

(1) Ý nói ăn năn hồi đầu hướng thiện, ra công tu hành cực khổ theo hạnh Tiểu-thừa.

(2) Ý nói tu hành mà ép xác thái quá, nên bị phần động lực của sanh lý, làm cho lòng càng đau khổ, không được sáng-sủa, lại cũng có ý nói rằng : tu hành mà lập khổ hạnh, thì bị cái khổ trôi bước, làm cho xao động trong lòng.

(3) Ý nói hàng Nhị-thừa chỉ đạt được Hoà-hành mà không biết, lại lầm cho rằng mình đã tới Đạo-sở.

(4) Những bậc sáng-sủa là thông mới Đạo.

(5) Lòng thanh-tịnh do công-phu thuần-thục.

(6) Khi lòng thanh-tịnh, thì Phật-linh hiển-nhiên.

(7) Bực thượng của đại trí, tu hành đắc Đạo mới cách nhẹ-nhàng thông-thả, không quá khổ-khắc như Tiểu-cần.

Này ông Phú-Lâu-Na ! Ông không rõ biết căn-cơ cốt-nguồn của chúng-sanh, thì hãy đề-dặt trong khi nói pháp. Ông dùng với đem pháp Tiểu-thừa, mà trình bày với người nghe pháp. Ông nên biết rằng, những vị Tỷ-kheo này, tâm-địa của họ như ngọc lưu-ly, không tự không vít. Mấy vị này đáng đi con đường lớn (Đại-thừa), ông chờ khá chi nỏ nhỏ (pháp Tiểu-thừa). Ông chờ đem bê cả mà đổ vào lỗ chân trâu, ông chờ cho ánh-sáng mặt trời (pháp Đại-thừa) đồng với lửa đom-đóm (Tiểu-thừa).

Này ông Phú-Lâu-Na ! Những vị Tỷ-kheo đây, đã phát tâm Đại-thừa ở nhiều kiếp trước, nhưng vì nửa chừng xao-lãng. Thế thì, tại làm sao ông lại dùng pháp Tiểu-thừa, mà giảng nói cho mấy ông nghe ?..

305. V. Ông Phú-Lâu-Na có gây lý sự lại chăng ? Và ông Duy-Ma-Cật có bằng-cớ gì để cho ông Phú-Lâu-Na thấy rằng, mấy vị ấy tiên-cần của họ, đã từng tu-tập giáo-pháp Đại-thừa ?

D. Ông Phú-Lâu-Na làm thỉnh không nói gì cả. Khi đó ngài Duy-Ma-Cật nhập hoá-quang tam-muội, khiến cho các vị Tỷ-kheo ấy, bỗng đứng như lại tiên-kiếp của mình, cùng nhau sụp lạy Ngài Duy-Ma-Cật, mà phát tâm vô-thượng-chánh-đẳng-chánh-giác.

Vì duyên cớ như vậy, nên về sau đức Thế-tôn sai ông Phú-Lâu-Na, đi thăm bệnh ngài Duy-Ma-Cật, ông Phú-Lâu-Na bèn từ-chối.

306. V. Nay giờ ông chỉ rõ nhiều nguyên-nhân phân-chia giữa Tiểu-thừa và Đại-thừa, bây giờ ông nên thuật cái kết-quả phân phái, sau khi đức Thế-tôn nhập-diệt ?

D. Một trăm năm sau khi đức Thế-tôn nhập-diệt, có một số Tỷ-kheo, đề-xướng nhiều sự cải-cách và giới-luật. Thượng toạ Gia-Xá nghe thế, mới đến Tỷ-Xá-Ly (Vaisali), bố-cáo cho quần chúng biết rằng : « Đó là một việc làm bất-hợp-pháp ». Nhìn lời tuyên-bố ấy, mới có sự tranh-luận sôi-nổi giữa hai phái.

Không thể giải-quyết bằng sự tranh-luận, hai bên đề nghị mỗi phái cử bên vị chuyên-môn về luật, đứng ra khảo-xét và biên-chép để tránh sự tranh-biến. Nhưng sự hội-hợp ấy, cũng không có kết-quả tốt. Trong khi ấy, chư tăng miền Đông lại khai tụng Luật-tạng riêng-biệt, không giống ai cả, mà cũng không tham-gia trong cuộc hội-ngập ấy.

Đến đời vua A-Dục, 231 trước tây-lịch kỷ-nguyên, mà hai phái cũng không dung-hòa được, mặc dầu hai bên đã từng tiếp-xúc với nhau nhiều lần, bằng cách lập ra hội-ngại. Vua A-Dục thấy thế, bèn xuất của kho, triệu-tập một cuộc Đại-hội-ngập tại thành Hoa-thì, trong cảnh Kê-viên, bao nhiêu chỉ phí ân uổng, ngàn vị Tỷ-kheo làm việc. Trong cuộc Đại-hội-ngập này, vua A-Dục răn hết sức mạnh, dùng lời lẽ chánh-dáng và thiết-yếu, để dung-hòa hai phái, nhưng kết quả không được như ý muốn của nhà vua, sự tranh-chấp cũng vẫn còn nguyên, thế là Hội-ngập phải tan rã. (1)

Còn nhiều lý do phân chia giáo-phái Đại-thừa và Tiểu-thừa, không thể thuật hết được.

(1) Tài liệu L. H. T. C.